VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng

(Tiếp theo Công báo số 455 + 456)

Phụ lục V

MẪU CÁC VĂN BẢN TRONG QUY TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ, CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng
Mẫu số 02	Đơn đề nghị công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC XÃ HỘI NGHỀ NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Tên tổ chức xã hội nghề nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Quyết định cho phép thành lập hội số:… ngày cấp….. Cơ quan cấp:….....

Quyết định phê duyệt điều lệ hoạt động số:… ngày cấp... Cơ quan cấp:.....

Mục đích, lĩnh vực hoạt động:.....

Phạm vi hoạt động:.....

Số lượng thành viên:.....

Đề nghị công nhận là tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho các cá nhân là hội viên, thành viên của Hội viên của mình đối với lĩnh vực hoạt động xây dựng sau đây:

1. …….....

2. …….....

…

n. …….....

(Tên tổ chức xã hội nghề nghiệp) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC XÃ HỘI NGHỀ NGHIỆP
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC XÃ HỘI NGHỀ NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

……, ngày… tháng… năm…

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Tên tổ chức xã hội nghề nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Quyết định cho phép thành lập hội số:… ngày cấp….. Cơ quan cấp:.....

Quyết định phê duyệt điều lệ hoạt động số:… ngày cấp… Cơ quan cấp:.....

Mục đích, lĩnh vực hoạt động:……..……...

Phạm vi hoạt động:…….....

Số lượng thành viên:…….....

Đề nghị công nhận là tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho các tổ chức là hội viên của mình đối với lĩnh vực hoạt động xây dựng sau đây:

1. …….....

2. …….....

…

n. …….....

(Tên tổ chức xã hội nghề nghiệp) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC XÃ HỘI NGHỀ NGHIỆP
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Phụ lục VI

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CỦA CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
1	**Khảo sát xây dựng, bao gồm:**				
1.1	Khảo sát địa hình	Được làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng tất cả các nhóm dự án, các cấp công trình cùng lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề	Được làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng dự án nhóm B, công trình cấp II trở xuống cùng lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề	Được làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng dự án nhóm C, dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, công trình cấp III trở xuống cùng lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề	
1.2	Khảo sát địa chất công trình				
2	**Lập thiết kế quy hoạch xây dựng**	Được làm chủ nhiệm đồ án, chủ trì thiết kế quy hoạch xây dựng lĩnh vực chuyên môn của tất cả các đồ án quy hoạch xây dựng.	Được làm chủ nhiệm đồ án, chủ trì thiết kế quy hoạch xây dựng lĩnh vực chuyên môn của tất cả các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Được làm chủ nhiệm đồ án, chủ trì thiết kế quy hoạch xây dựng lĩnh vực chuyên môn các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
3	**Thiết kế xây dựng, bao gồm:**				
3.1	Thiết kế kết cấu công trình	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống, tuyến cáp treo vận chuyển người và các dạng kết cấu khác của tất cả các cấp công trình	Được chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến cáp treo vận chuyển người và các dạng kết cấu khác của công trình từ cấp II trở xuống	Được chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến cáp treo vận chuyển người và các dạng kết cấu khác của công trình từ cấp III trở xuống	
3.2	Thiết kế cơ - điện công trình	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế bộ môn cơ - điện của tất cả các cấp công trình	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế bộ môn cơ - điện của công trình từ cấp II trở xuống	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế bộ môn cơ - điện của công trình cấp III, cấp IV	
3.3	Thiết kế cấp - thoát nước công trình	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế bộ	

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
		thiết kế bộ môn cấp - thoát nước của tất cả các cấp công trình	bộ môn cấp - thoát nước của công trình từ cấp II trở xuống	môn cấp - thoát nước của công trình cấp III, cấp IV	
3.4	Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế tất cả các cấp công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề từ cấp II trở xuống	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề từ cấp III trở xuống	
3.5	Thiết kế xây dựng công trình giao thông, gồm: 3.5.1. Đường bộ 3.5.2. Đường sắt 3.5.3. Cầu - Hầm 3.5.4. Đường thủy nội địa - Hàng hải				
3.6	Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, gồm: 3.6.1. Cấp nước - Thoát nước 3.6.2. Xử lý chất thải rắn	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế tất cả các cấp công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề từ cấp II trở xuống	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề từ cấp III trở xuống	
3.7	Thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều)	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế tất cả các cấp	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thuộc lĩnh	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thuộc lĩnh vực	

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
		công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề	vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề từ cấp II trở xuống	được ghi trong chứng chỉ hành nghề từ cấp III trở xuống	
4	**Giám sát thi công xây dựng, bao gồm:**				
4.1	Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật	Được làm giám sát trưởng các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề; được làm giám sát viên thi công xây dựng tất cả các cấp công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề	Được làm giám sát trưởng các công trình từ cấp II trở xuống thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề; được làm giám sát viên thi công xây dựng tất cả các cấp công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề	Được làm giám sát trưởng các công trình từ cấp III trở xuống thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề; được làm giám sát viên thi công xây dựng tất cả các cấp công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề	
4.2	Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông				
4.3	Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều)				
4.4	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	Được làm giám sát trưởng, giám sát viên lắp đặt thiết bị vào công trình của tất cả các cấp công trình	Được giám sát trưởng lắp đặt thiết bị vào công trình của các công trình từ cấp II trở xuống, giám sát viên lắp đặt thiết bị vào công trình của tất cả các cấp công trình	Được giám sát trưởng lắp đặt thiết bị vào công trình của các công trình từ cấp III trở xuống, giám sát viên lắp đặt thiết bị vào công trình của tất cả các cấp công trình	

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
5	**Định giá xây dựng**	Được chủ trì thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng không phân biệt loại, nhóm dự án và loại, cấp công trình xây dựng	Được chủ trì thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng các loại dự án từ nhóm B trở xuống và các loại công trình từ cấp II trở xuống	Được chủ trì thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng các loại dự án nhóm C, dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và các loại công trình từ cấp III trở xuống	
6	**Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, bao gồm:**				
6.1	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật	Được làm giám đốc quản lý dự án tất cả các nhóm dự án thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề	Được làm giám đốc quản lý dự án nhóm B, nhóm C thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề	Được làm giám đốc quản lý dự án nhóm C và dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề	
6.2	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông				
6.3	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều)				

Phụ lục VII

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CỦA CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
1	**Khảo sát xây dựng, bao gồm:**				
1.1	Khảo sát địa hình	Được thực hiện khảo sát xây dựng cùng lĩnh vực tất cả các dự án và cấp công trình	Được thực hiện khảo sát xây dựng cùng lĩnh vực của dự án đến nhóm B, công trình đến cấp II	Được thực hiện khảo sát xây dựng cùng lĩnh vực của dự án nhóm C, dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, công trình đến cấp III	
1.2	Khảo sát địa chất công trình				
2	**Lập thiết kế quy hoạch xây dựng**	Được lập tất cả các loại đồ án quy hoạch xây dựng	Được lập các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Được lập các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trừ các đồ án quan trọng thuộc diện đồ án phải xin ý kiến thỏa thuận của Bộ Xây dựng theo quy định pháp luật	

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
3	**Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, bao gồm:**				
3.1	Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình tất cả các cấp của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình từ cấp II trở xuống của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình từ cấp II trở xuống của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống	Trường hợp tổ chức được cấp chứng chỉ năng lực với một hoặc một số bộ môn của thiết kế xây dựng thì phạm vi thiết kế, thẩm tra
3.2	Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nhà công nghiệp	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình tất cả các cấp của công trình công nghiệp có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô và các dạng kết cấu khác	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô và các dạng kết cấu khác từ cấp II trở xuống	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô và các dạng kết cấu khác từ cấp III trở xuống	

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
3.3	Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình tất cả các cấp của công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản từ cấp II trở xuống	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản từ cấp III trở xuống	thiết kế xây dựng áp dụng đối với bộ môn đó tương ứng với từng hạng chứng chỉ.
3.4	Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp dầu khí	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình cùng loại từ cấp II trở xuống	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình cùng loại từ cấp III trở xuống	
3.5	Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp năng lượng, gồm: 3.5.1. Nhiệt điện, điện địa nhiệt 3.5.2. Điện hạt nhân 3.5.3. Thủy điện 3.5.4. Điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều 3.5.5. Điện sinh khối, điện rác, điện khí biogas 3.5.6. Đường dây và trạm biến áp				

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
3.6	Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông, gồm: 3.6.1. Đường bộ 3.6.2. Đường sắt 3.6.3. Cầu - hầm 3.6.4. Đường thủy nội địa, hàng hải				
3.7	Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều)	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình tất cả các cấp của công trình thủy lợi, đê điều và công trình có kết cấu dạng đập, tường chắn, kè	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều và công trình có kết cấu dạng đập, tường chắn, kè từ cấp II trở xuống	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều và công trình có kết cấu dạng đập, tường chắn, kè từ cấp III trở xuống	
3.8	Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: 3.8.1. Cấp nước, thoát nước 3.8.2. Xử lý chất thải	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình cùng loại từ cấp II trở xuống	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình cùng loại từ cấp III trở xuống	

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
3.9	Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt (cọc; gia cố, xử lý nền móng, kết cấu công trình; kết cấu ứng suất trước; kết cấu bao che, mặt dựng công trình;...)	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt tất cả các cấp công trình	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt của công trình từ cấp II trở xuống	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt của công trình từ cấp III trở xuống	
4	**Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng, bao gồm:**				
4.1	Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp - hạ tầng kỹ thuật	Được quản lý dự án tất cả các nhóm dự án cùng loại	Được quản lý dự án các dự án cùng loại từ nhóm B trở xuống	Được quản lý dự án các dự án nhóm C và dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng cùng loại	
4.2	Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông				
4.3	Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn				
5	**Thi công xây dựng công trình, bao gồm:**				
5.1	Thi công công tác xây dựng công trình dân dụng	Được thi công công tác xây dựng công trình tất	Được thi công công tác xây dựng công trình từ cấp II	Được thi công công tác xây dựng công trình từ	

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
		cả các cấp của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống, tuyến cáp treo vận chuyển người, cảng cạn	trở xuống của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống, tuyến cáp treo vận chuyển người, cảng cạn	cấp III trở xuống của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống, tuyến cáp treo vận chuyển người, cảng cạn	
5.2	Thi công công tác xây dựng công trình nhà công nghiệp	Được thi công công tác xây dựng công trình tất cả các cấp của công trình công nghiệp có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô và các dạng kết cấu khác	Được thi công công tác xây dựng công trình từ cấp II trở xuống của công trình công nghiệp có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô và các dạng kết cấu khác	Được thi công công tác xây dựng công trình từ cấp III trở xuống của công trình công nghiệp có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô và các dạng kết cấu khác	
5.3	Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản	Được thi công công tác xây dựng tất cả các cấp của công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản	Được thi công công tác xây dựng công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản từ cấp II trở xuống	Được thi công công tác xây dựng công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản từ cấp III trở xuống	

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
5.4	Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp dầu khí	Được thi công công tác xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại	Được thi công công tác xây dựng công trình cùng loại từ cấp II trở xuống	Được thi công công tác xây dựng công trình cùng loại từ cấp III trở xuống	
5.5	Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp năng lượng, gồm: 5.5.1. Nhiệt điện, điện địa nhiệt 5.5.2. Điện hạt nhân 5.5.3. Thủy điện 5.5.4. Điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều 5.5.5. Điện sinh khối, điện rác, điện khí biogas 5.5.6. Đường dây và trạm biến áp				
5.6	Thi công công tác xây dựng công trình giao thông, gồm: 5.6.1. Đường bộ 5.6.2. Đường sắt 5.6.3. Cầu - Hầm 5.6.4. Đường thủy nội địa - Hàng hải				

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
5.7	Thi công công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều)	Được thi công công tác xây dựng tất cả các cấp của công trình thủy lợi, đê điều và công trình có kết cấu dạng đập, tường chắn, kè	Được thi công công tác xây dựng của công trình thủy lợi, đê điều và công trình có kết cấu dạng đập, tường chắn, kè từ cấp II trở xuống	Được thi công công tác xây dựng của công trình thủy lợi, đê điều và công trình có kết cấu dạng đập, tường chắn, kè từ cấp III trở xuống	
5.8	Thi công công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: 5.8.1. Cấp nước, thoát nước 5.8.2. Xử lý chất thải rắn	Được thi công công tác xây dựng tất cả các cấp của công trình cùng loại	Được thi công công tác xây dựng của công trình cùng loại từ cấp II trở xuống	Được thi công công tác xây dựng của công trình cùng loại từ cấp III trở xuống	
5.9	Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình	Được thi công lắp đặt thiết bị vào công trình tất cả các cấp công trình	Được thi công lắp đặt thiết bị vào công trình từ cấp II trở xuống	Được thi công lắp đặt thiết bị vào công trình từ cấp III trở xuống	
5.10	Thi công công tác xây dựng chuyên biệt (cọc; gia cố, xử lý nền móng, kết cấu công trình; kết cấu ứng suất trước; kết cấu bao che, mặt dựng công trình;...)	Được thi công công tác xây dựng chuyên biệt tất cả các cấp công trình	Được thi công công tác xây dựng chuyên biệt của công trình từ cấp II trở xuống	Được thi công công tác xây dựng chuyên biệt của công trình từ cấp III trở xuống	

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
6	**Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, bao gồm:**				
6.1	Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng	Được giám sát công tác xây dựng công trình tất cả các cấp của công trình cùng loại	Được giám sát công tác xây dựng các công trình cùng loại từ cấp II trở xuống	Được giám sát công tác xây dựng các công trình cùng loại từ cấp III trở xuống	
6.2	Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình công nghiệp				
6.3	Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình giao thông				
6.4	Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn				
6.5	Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật				
6.6	Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình	Được giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình của tất cả các cấp công trình	Được giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình của các công trình từ cấp II trở xuống	Được giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình của các công trình từ cấp III trở xuống	

Phụ lục VIII
KÝ HIỆU NƠI CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

STT	Nơi cấp	Ký hiệu	STT	Nơi cấp	Ký hiệu
I	**Đối với chứng chỉ do cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng cấp**				
1	Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng	BXD			
II	**Đối với chứng chỉ hạng II, hạng III do Sở Xây dựng và tổ chức xã hội - nghề nghiệp được công nhận cấp**				
1	An Giang	ANG	33	Kon Tum	KOT
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	BRV	34	Lai Châu	LAC
3	Bắc Giang	BAG	35	Lâm Đồng	LAD
4	Bắc Kạn	BAK	36	Lạng Sơn	LAS
5	Bạc Liêu	BAL	37	Lào Cai	LCA
6	Bắc Ninh	BAN	38	Long An	LOA
7	Bến Tre	BET	39	Nam Định	NAD
8	Bình Định	BID	40	Nghệ An	NGA
9	Bình Dương	BDG	41	Ninh Bình	NIB
10	Bình Phước	BIP	42	Ninh Thuân	NIT
11	Bình Thuận	BIT	43	Phú Thọ	PHT
12	Cà Mau	CAM	44	Phú Yên	PHY
13	Cao Bằng	CAB	45	Quảng Bình	QUB
14	Cần Thơ	CAT	46	Quảng Nam	QUN
15	Đà Nẵng	DNA	47	Quảng Ngãi	QNG
16	Đắk Lắk	DAL	48	Quảng Ninh	QNI
17	Đắk Nông	DAN	49	Quảng Trị	QTR
18	Điện Biên	DIB	50	Sóc Trăng	SOT
19	Đồng Nai	DON	51	Sơn La	SOL
20	Đồng Tháp	DOT	52	Tây Ninh	TAN
21	Gia Lai	GIL	53	Thái Bình	THB
22	Hà Giang	HAG	54	Thái Nguyên	THN
23	Hà Nam	HNA	55	Thanh Hóa	THH
24	Hà Nội	HAN	56	Thừa Thiên Huế	TTH
25	Hà Tĩnh	HAT	57	Tiền Giang	TIG
26	Hải Dương	HAD	58	TP. Hồ Chí Minh	HCM
27	Hải Phòng	HAP	59	Trà Vinh	TRV
28	Hậu Giang	HGI	60	Tuyên Quang	TUQ
29	Hòa Bình	HOB	61	Vĩnh Long	VIL
30	Hưng Yên	HUY	62	Vĩnh Phúc	VIP
31	Khánh Hòa	KHH	63	Yên Bái	YEB
32	Kiên Giang	KIG	64	Chứng chỉ do tổ chức xã hội - nghề nghiệp được công nhận cấp	Bộ Xây dựng quy định cụ thể trong Quyết định công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng

Phụ lục IX

PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THEO CÔNG NĂNG PHỤC VỤ VÀ TÍNH CHẤT CHUYÊN NGÀNH CỦA CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

I. DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG:

Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng là dự án được đầu tư xây dựng nhằm phục vụ cho các hoạt động, nhu cầu về vật chất và tinh thần của đời sống nhân dân, bao gồm:

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở, gồm nhà ở chung cư, nhà ở tập thể, nhà ở riêng lẻ (trừ nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân).

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng:

a) Dự án đầu tư xây dựng công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu;

b) Dự án đầu tư xây dựng công trình y tế;

c) Dự án đầu tư xây dựng công trình thể thao;

d) Dự án đầu tư xây dựng công trình văn hóa;

đ) Dự án đầu tư xây dựng công trình tôn giáo, tín ngưỡng;

e) Dự án đầu tư xây dựng công trình thương mại, dịch vụ;

g) Dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở, văn phòng làm việc;

3. Dự án đầu tư xây dựng phục vụ dân sinh khác.

II. DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP

Dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp là dự án được đầu tư xây dựng nhằm phục vụ cho việc khai thác, sản xuất ra các loại nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, năng lượng, gồm:

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng.

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình luyện kim và cơ khí chế tạo.

3. Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản.

4. Dự án đầu tư xây dựng công trình dầu khí.

5. Dự án đầu tư xây dựng công trình năng lượng.

6. Dự án đầu tư xây dựng công trình hóa chất.

7. Dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp nhẹ thuộc các lĩnh vực thực phẩm, sản phẩm tiêu dùng, sản phẩm nông, thủy và hải sản.

8. Dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng cho mục đích công nghiệp khác.

III. DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật là các dự án được đầu tư xây dựng nhằm cung cấp các tiện ích hạ tầng kỹ thuật, gồm:

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước.

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước.

3. Dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải rắn.

4. Dự án đầu tư xây dựng công trình chiếu sáng công cộng.

5. Dự án đầu tư xây dựng công viên cây xanh.

6. Dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng.

7. Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà để xe, sân bãi để xe.

8. Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

9. Dự án đầu tư xây dựng công trình nhằm cung cấp các tiện ích hạ tầng kỹ thuật khác.

IV. DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông là dự án được đầu tư xây dựng nhằm phục vụ trực tiếp cho người và các loại phương tiện giao thông sử dụng lưu thông, vận chuyển người và hàng hóa, gồm:

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ.

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình đường sắt.

3. Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu.

4. Dự án đầu tư xây dựng công trình hầm.

5. Dự án đầu tư xây dựng công trình đường thủy nội địa, hàng hải.

6. Dự án đầu tư xây dựng sân bay.

7. Dự án đầu tư xây dựng tuyến cáp treo để vận chuyển người và hàng hóa.

8. Dự án đầu tư xây dựng cảng cạn.

9. Dự án đầu tư xây dựng phục vụ giao thông vận tải khác.

V. DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn là dự án được đầu tư xây dựng nhằm tạo ra các công trình phục vụ trực tiếp và gián tiếp cho việc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, xây dựng và bảo vệ đê điều, gồm:

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi.

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình đê điều.

3. Dự án đầu tư xây dựng công trình chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản.

4. Dự án đầu tư xây dựng phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn khác.

VI. DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG, AN NINH

Dự án đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh là các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công nhằm phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh.

VII. DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÓ CÔNG NĂNG PHỤC VỤ HỖN HỢP

Dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp gồm:

1. Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

a) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có nhà ở là dự án được đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hình thành từ một đơn vị ở trở lên theo quy hoạch phân khu được phê duyệt hoặc dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên đối với trường hợp quy hoạch phân khu không xác định rõ các đơn vị ở;

b) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị không có nhà ở là dự án được đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với các công trình xây dựng khác có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên.

2. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị; hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao (sau đây gọi chung là hạ tầng kỹ thuật khu chức năng) là dự án được đầu tư xây dựng đồng bộ công trình đường giao thông và hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp nước, thoát nước, chiếu sáng công cộng và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ cho khu đô thị, khu chức năng.

3. Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở là dự án đầu tư xây dựng cụm công trình nhà ở tại đô thị hoặc khu nhà ở tại nông thôn, được đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch được phê duyệt và không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Mục này.

4. Dự án đầu tư xây dựng theo công năng phục vụ và tính chất chuyên ngành gồm nhiều lĩnh vực được quy định tại các Mục I, Mục II, Mục III, Mục IV, Mục V nêu trên.

5. Dự án đầu tư xây dựng công trình có công năng, mục đích hỗn hợp khác.

Phụ lục X

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ẢNH HƯỞNG LỚN ĐẾN AN TOÀN, LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG

(Kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

Công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng là các công trình được đầu tư xây dựng mới và các công trình được cải tạo, sửa chữa làm thay đổi quy mô, công suất, công năng, kết cấu chịu lực chính trong danh mục dưới đây:

Mã số	Loại công trình		Cấp công trình
I	**CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG**		
I.1	Nhà ở	Các tòa nhà chung cư, nhà ở tập thể khác	Cấp III trở lên
I.2	Công trình công cộng		
I.2.1	Công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu		Cấp III trở lên
I.2.2	Công trình y tế		Cấp III trở lên
I.2.3	Công trình thể thao	Sân vận động; nhà thi đấu (các môn thể thao); bể bơi; sân thi đấu các môn thể thao có khán đài	Cấp III trở lên
I.2.4	Công trình văn hóa	Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường; các công trình di tích; bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; tượng đài ngoài trời; công trình vui chơi giải trí; công trình văn hóa tập trung đông người và các công trình khác có chức năng tương đương	Cấp III trở lên

Mã số	Loại công trình		Cấp công trình
I.2.5	Công trình thương mại	Trung tâm thương mại, siêu thị	Cấp III trở lên
		Nhà hàng, cửa hàng ăn uống, giải khát và các cơ sở tương tự	Cấp II trở lên
I.2.6	Công trình dịch vụ	Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; khu nghỉ dưỡng; biệt thự lưu trú; căn hộ lưu trú và các cơ sở tương tự; bưu điện, bưu cục, cơ sở cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông khác	Cấp III trở lên
I.2.7	Công trình trụ sở, văn phòng làm việc	Các tòa nhà sử dụng làm trụ sở, văn phòng làm việc	Cấp III trở lên
I.2.8	Các công trình đa năng hoặc hỗn hợp	Các tòa nhà, kết cấu khác sử dụng đa năng hoặc hỗn hợp khác	Cấp III trở lên
I.2.9	Công trình phục vụ dân sinh khác	Các tòa nhà hoặc kết cấu khác được xây dựng phục vụ dân sinh	Cấp II trở lên
II	**CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP**		
II.1	Công trình sản xuất vật liệu, sản phẩm xây dựng		Cấp III trở lên
II.2	Công trình luyện kim và cơ khí chế tạo		Cấp III trở lên
II.3	Công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản		Cấp III trở lên
II.4	Công trình dầu khí		Cấp III trở lên
II.5	Công trình năng lượng		Cấp III trở lên
II.6	Công trình hóa chất		Cấp III trở lên
II.7	Công trình công nghiệp nhẹ		Cấp III trở lên

Mã số	Loại công trình		Cấp công trình
III	**CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT**		
III.1	Công trình cấp nước		Cấp II trở lên
III.2	Công trình thoát nước		Cấp II trở lên
III.3	Công trình xử lý chất thải rắn		Cấp II trở lên
III.4	Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động	Nhà, trạm viễn thông, cột ăng ten, cột treo cáp	Cấp III trở lên
III.5	Nhà tang lễ; cơ sở hỏa táng		Cấp II trở lên
III.6	Nhà để xe (ngầm và nổi) Cống, bể, hào, hầm tuy nen kỹ thuật		Cấp II trở lên
IV	**CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**		
IV.1	Đường bộ	Đường ô tô cao tốc	Mọi cấp
		Đường ô tô, đường trong đô thị	Cấp III trở lên
		Bến phà	Cấp III trở lên
		Bến xe; cơ sở đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ; trạm thu phí; trạm dừng nghỉ	Cấp III trở lên
	Đường sắt	Đường sắt cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị (đường sắt trên cao, đường tầu điện ngầm/ Metro); đường sắt quốc gia; đường sắt chuyên dụng và đường sắt địa phương	Mọi cấp
		Ga hành khách	Cấp III trở lên
	Cầu	Cầu đường bộ, cầu bộ hành, cầu đường sắt, cầu phao	Cấp III trở lên
	Hầm	Hầm đường ô tô, hầm đường sắt, hầm cho người đi bộ	Cấp III trở lên
		Hầm tàu điện ngầm (Metro)	Mọi cấp

Mã số	Loại công trình		Cấp công trình
IV.2	Công trình đường thủy nội địa	Cảng, bến thủy nội địa (cho hành khách)	Cấp II trở lên
		Đường thủy có bề rộng (B) và độ sâu (H) nước chạy tầu (bao gồm cả phao tiêu, công trình chỉnh trị)	Cấp II trở lên
IV.3	Công trình hàng hải	Bến/cảng biển, bến phà (cho hành khách)	Cấp III trở lên
		Các công trình hàng hải khác	Cấp II trở lên
IV.4	Công trình hàng không	Nhà ga hàng không; khu bay (bao gồm cả các công trình bảo đảm hoạt động bay)	Mọi cấp
IV.5	Tuyến cáp treo và nhà ga	Để vận chuyển người	Mọi cấp
		Để vận chuyển hàng hóa	Cấp II trở lên
V	**CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**		
V.1	Công trình thủy lợi	Công trình cấp nước	Cấp II trở lên
		Hồ chứa nước	Cấp III trở lên
		Đập ngăn nước và các công trình thủy lợi chịu áp khác	Cấp III trở lên
V.2	Công trình đê điều		Mọi cấp